

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2020/HNGĐ - ST

Ngày 23/12/2020

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy H
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Nguyễn Văn Tiền
 2. Bà: Phạm Thị Em
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 457/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc: “**Xin ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Long An.

+ **Bị đơn:** Đặng Thị Thúy H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày:**

Anh và chị Đặng Thị Thúy H kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do không cùng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và xúc phạm lẫn nhau. Anh đã 02 lần làm đơn xin ly hôn với chị H tại Tòa án nhưng sau đó xin rút đơn khởi kiện nhằm tạo điều kiện cho hai bên sửa đổi. Sau khi về chung sống anh và chị H vẫn không hòa hợp được. Nay, anh nhận thấy tình cảm giữa anh và chị H không thể hàn gắn được nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 24/11/2010 hiện đang sống với chị H, anh đồng ý để chị H nuôi con và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho anh và cũng không có điều kiện cấp dưỡng cho chị H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là chị Đặng Thị Thúy H trình bày:**

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian đăng ký kết hôn và thời gian sống chung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Để tạo điều kiện cho anh T sửa đổi nên chị thường xuyên động viên, khuyên giải để anh T quay về hàn gắn với chị. Nhưng anh T vẫn không sửa đổi và tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị ngăn cản thì bị anh T dùng bạo lực đánh chị rồi bỏ nhà đi. Sau đó, anh T gây tai nạn giao thông và phải chấp hành án. Trong thời gian này, chị vẫn tới lui thăm nom anh T. Chị luôn cố gắng để vợ chồng đoàn tụ và lo cho con nhưng anh T không có thiện chí đoàn tụ. Nay, anh T xin ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 24/11/2010. Hiện nay, con chung đang sống với chị, chị đồng ý tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị và chị cũng không phải cấp dưỡng cho anh T.

Về tài sản chung: Chị và anh T có tổng cộng 28 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18K. Anh T giữ 20 chỉ vàng 24K, 02 chỉ vàng 18K, chị đang giữ 08 chỉ vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K. Chị yêu cầu chia đôi số vàng trên. Hiện, chị không có tranh chấp trong vụ kiện này.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 23/8/200. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T đối với chị Đặng Thị Thúy H:

- Về hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị H.
- Về con chung: Chị H tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 24/11/2010, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: Không có nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Ngọc T và chị Đặng Thị Thúy H tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm nên anh chị đã ly thân. Nay, anh T xin ly hôn, chị H không đồng ý. Xét thấy, hôn nhân gia đình xuất phát từ tình yêu thương và sự tự nguyện giữa các bên không ai có quyền ngăn cản hay ép buộc. Trong thời gian sống chung, do anh T và chị H không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng, anh T xin ly hôn với chị là do anh T đang có quan hệ với người phụ nữ khác

nhưng chị không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Chị H không đồng ý ly hôn nhưng đưa ra điều kiện nếu anh T chia cho chị số vàng anh T đã giữ thì chị đồng ý ly hôn thể hiện chị không có thiện chí đoàn tụ với anh T. Thực tế chị H và anh T đã không sống chung từ năm 2017 cho đến nay, anh T đã 02 lần làm đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhưng sau đó xin rút đơn khởi kiện (được Tòa án chấp nhận) nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không hòa hợp được. Điều này cho thấy, hôn nhân của anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H.

[2] Trong thời gian chung sống, chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 24/11/2010 hiện đang sống với chị H. Anh T và chị H thỏa thuận, chị H tiếp tục nuôi con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Qua xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nơi cháu T đang sinh sống cho thấy, cháu T đang sống với chị H, chị H vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Tuy nhiên, về mức cấp dưỡng nuôi con chị H và anh T không thống nhất. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, anh T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng vì hiện anh không có việc làm ổn định nên mức thu thập thấp nên không thể cấp dưỡng cao hơn 1.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của anh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh T và chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau. Xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị H yêu cầu anh T phân chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung là 28 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18K. Hiện anh T giữ 20 chỉ vàng 24K, 02 chỉ vàng 18K, chị H đang giữ 08 chỉ vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K. Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh T, chị H giao nộp chứng cứ trong thời hạn luật định nếu anh, chị có yêu cầu chia tài sản chung thì làm đơn yêu cầu và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nhưng đã quá thời hạn trên mà chị H, anh T không thực hiện. Tại phiên tòa, anh T và chị H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T và chị H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T đối với chị Đặng Thị Thúy H.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Ngọc T và chị Đặng Thị Thúy H được ly hôn

2. Về con chung: Chị Đặng Thị Thúy H được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 24/11/2010. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận việc anh Nguyễn Ngọc T và chị Đặng Thị Thúy H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau.

4. Về tài sản chung: Chị H và anh T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị H và anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

6. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về phần cấp dưỡng nuôi con). Do anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001428 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre nên được khấu trừ. Anh T phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- CCTHADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường (nơi ĐKKH).
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng